

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT
BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ; KINH TẾ CHÍNH TRỊ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS	Kinh tế chính trị	
1	Nguyễn Thị	An	01	7,5	7,5	
2	Nguyễn Phong	An	02	8,0	8,0	
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	8,0	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	7,75	7,5	
5	Hoàng Văn	Châu	05	8,5	8,5	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	7,0	7,5	
7	Trần Quang	Đạt	07	8,5	8,5	
8	Hà Văn	Đề	08	7,5	7,5	
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	8,5	
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,5	7,5	
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	6,75	8,5	
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	7,5	7,5	
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	8,0	7,5	
14	Đặng Thị	Giang	15	8,0	8,5	
15	Võ Thị Thu	Giang	16	8,5	8,0	
16	Nguyễn Văn	Giang	17	8,0	7,5	
17	Cao Thị Hương	Giang	18	7,75	7,5	
18	Nguyễn Đức	Hà	19	8,0	8,5	
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,5	8,0	
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	7,75	8,0	
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	7,5	
22	Lê Thanh	Hải	23	8,0	8,0	
23	Lê Thị	Hiên	24	8,5	7,5	
24	Trần Thị Thúy	Hiên	25	7,5	7,5	
25	Trần Thị	Hiên	26	7,5	8,0	
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	7,5	7,5	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS	Kinh tế chính trị	
27	Võ Thị	Hoa	28	7,5	7,0	
28	Dương Thị	Hoa	29	8,5	7,5	
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	8,0	8,0	
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	8,0	7,5	
31	Phan Đình	Hợp	32	8,0	7,5	
32	Trần Thị	Hương	33	7,5	8,0	
33	Nguyễn Thị	Hương	34	7,5	8,0	
34	Cao Thị	Hương	35	7,3	6,0	
35	Lê Thị	Hường	36	8,5	8,0	
36	Trần Thị	Hường	37	8,0	7,5	
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	7,5	7,5	
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,5	7,5	
39	Nguyễn Công	Kiên	40	8,0	7,5	
40	Trần Thị	Lài	41	8,0	7,5	
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,5	8,0	
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,0	8,0	
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,5	8,5	
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	7,5	8,0	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	8,0	8,0	
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	8,0	8,0	
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,0	8,0	
48	Lê Thị	Mai	49	8,0	6,0	
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	8,5	7,5	
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	8,5	8,5	
51	Tô Thị	Nga	52	8,0	7,5	
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	7,5	8,0	
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	8,5	8,5	
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,5	8,0	
55	Trần Thị	Nhung	56	8,0	7,5	
56	Trần Thị	Ninh	57	8,0	8,0	
57	Phan Thị Mai	Phương	59	8,0	8,0	
58	Võ Đức	Tài	60	8,0	7,5	

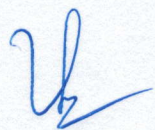
TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Nội dung cơ bản của CNDVBC và CNDVLS	Kinh tế chính trị	
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	8,5	8,0	
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	8,0	7,5	
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	8,5	
62	Lê Hoài	Thơm	64	7,75	8,0	
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,5	7,5	
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	7,75	7,5	
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	7,75	7,5	
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	7,5	8,0	
67	Lê Hữu	Tiến	70	7,75	6,0	
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	7,75	7,5	
69	Lê Thị	Vân	72	7,75	7,5	
70	Trần Thế	Vinh	73	8,0	7,5	
71	Hồ Thị	Xuân	74	8,0	7,5	
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	8,0	7,5	
73	Lê Thị	Thủy	76	8,0	7,5	
74	Lê Thị	Hải	77	8,5	8,0	
75	Lê Xuân	Hải	78	7,5	8,5	
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	8,0	8,0	
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,5	7,5	
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	7,75	7,5	
79	Võ Thị	Thủy	82	8,0	7,5	

Danh sách này gồm: 79 học viên

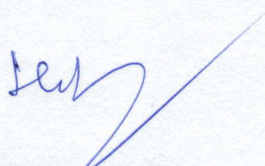
Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ



Nguyễn Trọng Tứ